

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2017
 (Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.432.254.082	9.606.853.017
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.064.871.563	3.908.977.535
1.	Tiền	111		3.232.857.853	3.908.977.535
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.832.013.710	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	4.782.751.110	5.200.017.267
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.782.751.110	5.200.017.267
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		397.801.533	322.342.317
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	-	2.475.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	397.801.533	319.867.317
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	186.829.876	167.915.898
1.	Hàng tồn kho	141		186.829.876	167.915.898
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	7.600.000
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	-	7.600.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17b	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14a	-	-

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.707.157.493	17.401.484.480
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		16.578.161.352	17.173.878.732
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	16.578.161.352	17.173.878.732
	- Nguyên giá	222		19.757.904.499	19.757.904.499
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.179.743.147)	(2.584.025.767)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
	- Nguyên giá	228		253.580.000	253.580.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(253.580.000)	(253.580.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	-
1.	Chi phí SX, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03c	-	-
1.	Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		128.996.141	227.605.748
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	128.996.141	227.605.748
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.24.1	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	V.14b	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.139.411.575	27.008.337.497

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		4.223.876.593	4.204.802.515
I.	Nợ ngắn hạn	310		3.721.276.593	3.767.802.515
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	61.962.000	4.560.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		433.541.877	520.155.757
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a	677.733.178	902.841.265
4.	Phải trả người lao động	314		141.379.500	614.239.727
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	74.507.555	10.502.578
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23a	1.717.955.200	1.204.795.200
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		614.197.283	510.707.988
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		502.600.000	437.000.000
1.	Phải trả dài người bán dài hạn	331	V.16b	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18b	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	502.600.000	437.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21.2	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	V.22	-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23b	-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.915.534.982	22.803.534.982
I.	Vốn chủ sở hữu	410		22.915.534.982	22.803.534.982
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	22.499.330.982	22.499.330.982
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.26	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27	-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		416.204.000	304.204.000
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.139.411.575	27.008.337.497

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Người lập

Phó Phòng Kế toán Tài vụ

Giám đốc









Hoàng Thị Yến

Hoàng Thị Yến

Nguyễn Văn Phú

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.627.143.780	44.643.243.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (*)	03	VI.2	5.682.016.707	5.669.223.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.945.127.073	38.974.019.971
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	31.987.257.538	32.142.348.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.957.869.535	6.831.671.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	369.473.253	296.772.980
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8b	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8a	6.422.750.487	6.227.125.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		904.592.301	901.318.907
11. Thu nhập khác	31	VI.6	22.096.818	5.085.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		22.096.818	5.085.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		926.689.119	906.403.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	185.337.824	181.280.781
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		741.351.295	725.123.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	71		-	-

(*) Thuế tiêu thụ đặc biệt do kinh doanh dịch vụ xổ số kiến thiết.
(**) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.

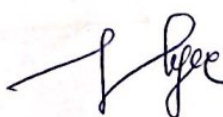
Người lập

Phó Phòng Kế toán Tài vụ

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Giám đốc









Hoàng Thị Yến

Hoàng Thị Yến

Nguyễn Văn Phú

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		36.001.875.370	35.950.889.290
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.903.289.329)	(1.624.811.373)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.702.622.122)	(4.224.877.506)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(192.328.995)	(170.237.097)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.658.798.598	9.130.124.080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.508.832.361)	(37.655.786.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		353.601.161	1.405.301.290
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.096.818	3.825.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.934.505.684)	(4.502.791.442)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.659.054.520	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55.647.213	39.094.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		802.292.867	(4.459.872.138)

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay		33	VII.3	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay		34	VII.4	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50		1.155.894.028	(3.054.570.848)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60		3.908.977.535	6.963.548.383
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70		5.064.871.563	3.908.977.535

Người lập

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2018
 Phó Phòng Kế toán Tài vụ Giám đốc


 Hoàng Thị Yên


 Hoàng Thị Yên




 Nguyễn Văn Phú

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900100942, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 06 năm 2013 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ trụ sở chính: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty: 25.000.000.000 đồng (Hai lăm tỷ đồng).

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Phú - Giám đốc.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động xổ số, vui chơi có thưởng và các dịch vụ khác.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900100942, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 06 năm 2013 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động xổ số;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ, và dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác);
- Hoạt động vui chơi giải trí (hoạt động vui chơi có thưởng);
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Cho thuê xe có động cơ (cho thuê xe ô tô)
- Điều hành tua du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê cửa hàng, văn phòng, ki ốt).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ kinh doanh được hiểu là sự biến động của các hoạt động kinh tế ngắn hạn trong một thời kỳ nhất định, trong đó các giai đoạn tăng trưởng và các giai đoạn suy giảm luân chuyển lẫn nhau không ngừng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- a. Danh sách các công ty con: Không có
- b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
- c. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Công ty không có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu tại ngày 01/01/2017 có khả năng so sánh được với số liệu tại ngày 31/12/2017 được trình bày trên Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Kỳ kế toán năm:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Nhật ký chung

Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch

VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Công ty đã lựa chọn phù hợp các quy định của pháp luật Nhà nước như Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty vẫn hiểu đầy đủ và chi tiết các nguyên tắc kế toán được trình bày dưới đây để áp dụng trong trường hợp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh và sẽ áp dụng đầy đủ.

Luật Kế toán:

Trong năm 2017, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 kèm theo Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Kế toán.

Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:**Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính:**

Công ty đã áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt I ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2002:

- Chuẩn mực số 02 Hàng tồn kho
- Chuẩn mực số 03 Tài sản cố định hữu hình
- Chuẩn mực số 04 Tài sản cố định vô hình
- Chuẩn mực số 14 Doanh thu và thu nhập khác

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt II ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2003:

- Chuẩn mực số 01 Chuẩn mực chung
- Chuẩn mực số 06 Thuê tài sản
- Chuẩn mực số 10 Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
- Chuẩn mực số 15 Hợp đồng xây dựng
- Chuẩn mực số 16 Chi phí đi vay
- Chuẩn mực số 24 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (tiếp):

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt III ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2004:

- Chuẩn mực số 05 Bất động sản đầu tư
- Chuẩn mực số 07 Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết
- Chuẩn mực số 08 Thông tin tài chính về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực số 21 Trình bày báo cáo tài chính
- Chuẩn mực số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư Công ty con
- Chuẩn mực số 26 Thông tin về các bên liên quan

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt IV ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2005:

- Chuẩn mực số 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chuẩn mực số 22 Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự
- Chuẩn mực số 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Chuẩn mực số 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Chuẩn mực số 28 Báo cáo bộ phận
- Chuẩn mực số 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đợt V ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có hiệu lực kể từ ngày 20/03/2006:

- Chuẩn mực số 11 Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực số 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
- Chuẩn mực số 19 Hợp đồng Bảo hiểm
- Chuẩn mực số 30 Lãi trên Cổ phiếu

Và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan của Bộ Tài chính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT THỰC TẾ (LÃI SUẤT HIỆU LỰC) DÙNG ĐỂ CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN:

Căn cứ xác định lãi suất thực tế: Doanh nghiệp căn cứ vào lãi suất thị trường hoặc lãi suất ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để chiết khấu dòng tiền.

4. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển:

Là các khoản tiền mặt tồn quỹ tại Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ tiền này.

Là các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tiền đang chuyển được xác định theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

a. Chứng khoán kinh doanh:

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Thời điểm ghi nhận chứng khoán đăng ký kinh doanh là ngày chứng khoán kinh doanh đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc (giá thực tế mua chứng khoán) gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có).

Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn tuân thủ Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI BÁO CÁO TÀI CHÍNH LẬP BẢNG NGOẠI TỆ SANG ĐỒNG VIỆT NAM (NẾU CÓ):**

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam, Công ty quy đổi các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

2. CÁC LOẠI TỶ GIÁ ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Hoặc: Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm trong giai đoạn trước hoạt động được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí khi hoàn thành bàn giao công trình (hoặc được phân bổ vào doanh thu và chi phí trong 2 năm từ khi hoàn thành bàn giao công trình).

Trong năm 2017, Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**5. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP):****e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà doanh nghiệp nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết; đầu tư trái phiếu, cho vay vốn, các khoản đầu tư khác,... mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm đối với các khoản đầu tư ngắn hạn và trên 1 năm đối với các khoản đầu tư dài hạn. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo đối tượng vay, phương thức vay, thời hạn và lãi suất cho vay

6. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN PHẢI THU THƯƠNG MẠI VÀ PHẢI THU KHÁC:**Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thời hạn gốc, thời hạn còn lại và theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay tuân thủ Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

Khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch (chỉ áp dụng cho đơn vị xây dựng có cung cấp dịch vụ nhận thầu xây lắp thanh toán theo tiến độ kế hoạch).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

5. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP):

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo như: Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có).

Với các khoản đầu tư có gốc ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại theo đúng các nguyên tắc chuyển đổi tiền tệ.

c. Các khoản cho vay:

Phản ánh các khoản cho vay tại thời điểm báo cáo như các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng vay giữa hai bên.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Với các khoản cho vay có gốc ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại theo đúng các nguyên tắc chuyển đổi tiền tệ.

Căn cứ lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay tuân thủ Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

d. Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Vốn đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) với các chi phí mua (nếu có), như: Chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế, và phí Ngân hàng...

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và góp vốn liên doanh theo phương pháp giá gốc khi lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư. Phương pháp vốn chủ sở hữu được áp dụng trong kế toán khoản đầu tư vào Công ty liên kết khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dựa theo tỷ lệ vốn góp.

Thời điểm ghi nhận ban đầu là thời điểm Công ty góp vốn thực tế bằng tiền, bằng hiện vật vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Căn cứ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Cuối niên độ kế toán, Công ty xác định giá trị các tổn thất đầu tư làm căn cứ trích lập dự phòng. Việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết tuân thủ Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**8. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ), TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH, BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ:****a. Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Nguyên giá TSCĐ được xác định bằng giá mua hoặc giá trị quyết toán công trình (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Các tài sản khác	04 - 25
Phần mềm quản lý	03 - 08

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

Tài sản vô hình tạo ra trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu thỏa mãn được bảy (7) điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- Doanh nghiệp dự tính hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

Các khoản chi phí nghiên cứu triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc phân bổ nhiều lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa là 3 năm.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

7. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN HÀNG TỒN KHO:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp (hoặc phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương).

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước...).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

11941
LẠNG SƠN
KIỂM TRA
TOÁN TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC
7 MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**9. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH:**

Giá trị vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh phản ánh trên Báo cáo tài chính là giá trị vốn góp được các bên tham gia góp vốn hợp tác kinh doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn. Trường hợp vốn góp hợp tác kinh doanh là tài sản cố định, vật tư, hàng hóa, giá trị vốn góp là giá do hội đồng đánh giá tài sản xác nhận; phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị đánh giá lại của tài sản được ghi nhận là chi phí khác nếu chênh lệch giảm, thu nhập khác nếu chênh lệch tăng.

Bên nhận vốn góp tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán như các doanh nghiệp khác. Bên nhận vốn góp chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn hợp tác kinh doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của bên nhận vốn góp theo thỏa thuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI:**a. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Doanh nghiệp ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ của khoản lỗ tính thuế và ưu đãi về thuế chưa sử dụng từ các năm trước chuyển sang năm hiện tại trong trường hợp doanh nghiệp dự tính chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

$$\text{Tài sản thuế thu nhập hoãn lại} = \left\{ \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm thời được khấu trừ} \\ + \text{Giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng} \end{array} \right\} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nay với tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp, đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được hoàn nhập lại, theo nguyên tắc:

- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi giảm chi phí thuế thu nhập hoãn lại;
- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhỏ hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch được ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi tăng chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

8. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ), TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH, BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP):

c. Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Nguyên giá của TSCĐ đi thuê tài chính không bao gồm số thuế GTGT bên cho thuê đã trả khi mua TSCĐ để cho thuê (Kể cả trường hợp TSCĐ thuê tài chính dùng vào hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế và trường hợp TSCĐ thuê tài chính dùng vào hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Công ty thực hiện khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo phương pháp đường thẳng.

d. Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, như: Phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác,...

Trường hợp mua bất động sản đầu tư thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá của bất động sản đầu tư được phản ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán. Nếu số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay" thì nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm cả khoản chênh lệch đó.

d. Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư (tiếp)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Trường hợp bất động sản thuê tài chính với mục đích để cho thuê hoạt động thoả mãn tiêu chuẩn ghi nhận là bất động sản đầu tư thì nguyên giá của bất động sản đầu tư đó tại thời điểm khởi đầu thuê được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính.

Các chi phí phát sinh ban đầu về nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí khác không phải để đưa Bất động sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng không được tính vào nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng cho bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**12. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ:**

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ, ... Các khoản phải trả thương mại được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn. Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán ngoài hóa đơn mua hàng được ghi sổ tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu. Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng thương mại doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh.

Các khoản phải trả khác bao gồm: giá trị tài sản thừa chưa xử lý, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, các khoản phải trả cho đơn vị bên ngoài do nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn, các khoản lãi phải trả cho các bên tham gia góp vốn liên doanh, cổ tức phải trả, các khoản đi vay mượn vật tư có tính chất tạm thời,...

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH:

Các khoản đi vay và nợ phải trả thuê tài chính bao gồm: các khoản vay Ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế, cá nhân và các khoản nợ phải trả thuê tài chính... Các khoản đi vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ, lãi suất. Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có gốc ngoại tệ được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng thương mại doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY:

Chi phí đi vay được vốn hóa là các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn hóa (\%)} = \frac{\text{Tổng số tiền lãi vay thực tế của các khoản vay phát sinh trong kỳ}}{\text{Số dư bình quân gia quyền các khoản vay gốc}} \times 100\%$$

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**10. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP):****b. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \text{Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm: là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Chênh lệch tạm thời: là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của Nợ Tài sản hay Nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Nếu các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán cùng với một cơ quan thuế thì thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

11. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào tài khoản 242 - Chi phí trả trước. Công ty thực hiện phân bổ chi phí trả trước theo khoảng thời gian mà khoản chi phí đó có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trong trường hợp mua lại doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại được ghi nhận là chi phí trong kỳ hoặc được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**17. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN:**

Doanh thu chưa thực hiện là phần doanh thu tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo là “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn”; sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo tại thời điểm báo cáo là “Doanh thu chưa thực hiện dài hạn”.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ tương ứng với thời gian mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải thực hiện.

18. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI:

Các trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu. Các trái chủ có nhu cầu mua cổ phiếu của Công ty có thể yêu cầu Công ty thực hiện chuyển đổi. Khi chuyển đổi hợp đồng được hai bên chấp nhận Công ty ghi giảm nợ phải trả trái chủ số tiền đã thu được từ việc bán trái phiếu còn phải trả cho trái chủ và ghi tăng vốn chủ sở hữu tại thời điểm việc chuyển đổi hoàn thành.

19. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

Đối với công ty Nhà nước, nguồn vốn kinh doanh do Nhà nước và các thành viên góp vốn, được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá, sản phẩm dở dang...

Chênh lệch đánh giá tại tài sản được phản ánh vào tài khoản này trong các trường hợp sau:

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản;
- Khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;
- Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong kỳ, bao gồm:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động).
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ở thời điểm cuối năm tài chính của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**14. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP):**

$$\begin{array}{l} \text{Số dư bình} \\ \text{quân gia} \\ \text{quyền các} \\ \text{khoản vay gốc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số dư của} \\ \text{từng khoản} \\ \text{vay gốc} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số tháng mà từng khoản vay phát sinh} \\ \text{trong kỳ kế toán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số tháng phát sinh của kỳ kế toán} \end{array}}$$

Các chi phí xây dựng cơ bản (XDCB) bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, chi phí lắp đặt chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của các tài sản đó. Các chi phí không hợp lý, như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

15. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

Chi phí phải trả được sử dụng để hạch toán những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

16. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ:

Doanh nghiệp được ghi nhận đối với các khoản dự phòng nếu có đủ các điều kiện theo quy định tại đoạn 11, Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng". Các khoản dự phòng phải trả thường bao gồm:

- Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm;
- Dự phòng phải trả tái cơ cấu doanh nghiệp;
- Dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt qua những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán. Khi lập dự phòng phải trả, doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa, bảo hành sản phẩm được ghi nhận vào chi phí bán hàng, đối với khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**23. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính bao gồm toàn bộ các khoản chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí tài chính khác... kể cả đã thanh toán hay chưa thanh toán phát sinh trong kỳ báo cáo.

24. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng bao gồm tổng chi phí bán hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp phát sinh trong kỳ báo cáo. Chi phí quản lý doanh nghiệp là tổng các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác, các khoản ghi giảm khác...

25. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành, được xác định theo công thức:

$$\text{Thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \text{Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm} \times \text{Thuế suất thuế TNDN hiện hành}$$

Chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm: là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán. Chênh lệch tạm thời: là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của Nợ Tài sản hay Nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

19. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP):

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Kết quả hoạt động kinh doanh được phản ánh trên tài khoản 421 là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.

20. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU:

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi nhận được thông báo chính thức của Ngân hàng, Công ty liên kết.

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc theo giá trị tạm xác định không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

Công ty thực hiện thanh toán hợp đồng xây dựng theo giá trị khối lượng thực hiện. Do vậy, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

21. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU:

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ báo cáo.

Doanh nghiệp tuân thủ Chuẩn mực kế toán "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm" để điều chỉnh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong trường hợp có phát sinh các khoản hàng bán bị trả lại hoặc giảm giá hàng bán.

22. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN:

Giá vốn hàng bán bao gồm: Giá vốn của hàng hoá, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn, hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Giá vốn hàng bán phải phù hợp với Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Giảm giá hàng bán là các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm báo cáo...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN:**

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Tiền mặt	270.946.326	682.174.119
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.961.911.527	3.226.803.416
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.832.013.710	-
Cộng:	5.064.871.563	3.908.977.535

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	2.475.000
- Chi tiết các khoản phải thu khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	-	2.475.000
+ Bưu điện tỉnh Lạng Sơn	-	1.375.000
+ Sở Tài chính Lạng Sơn	-	1.100.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác (nhiều đối tượng)	-	-
b. Phải thu khách hàng dài hạn (chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)	-	-
Cộng:	-	2.475.000

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

26. CÁC NGHIỆP VỤ DỰ PHÒNG RỦI RO HỐI ĐOẠI:

Dự phòng rủi ro hối đoái được áp dụng trong trường hợp Công ty nắm giữ một số lượng lớn ngoại tệ. Để đề phòng tỷ giá ngoại tệ có thể giảm nhanh Công ty mua Put Option của các Công ty, tập đoàn tài chính lớn để bảo đảm cho số ngoại tệ đó khi thay đổi tỷ giá mạnh không ảnh hưởng nhiều đến lãi, lỗ của Công ty trong kỳ. Khi thực hiện thủ tục này Công ty có thể bán ngoại tệ với tỷ giá đã được bảo đảm bởi Công ty tài chính tại mọi thời điểm. Các chi phí mở Put Option được hạch toán vào Chi phí tài chính trong kỳ.

27. CÁC NGHIỆP VỤ DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG (Áp dụng cho các Công ty Xổ số kiến thiết):

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, Công ty Xổ số kiến thiết phải dùng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Công ty Xổ số kiến thiết sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

28. CÁC QUỸ KHÁC:

Quỹ khen thưởng:

Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức Công đoàn và trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp); Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài doanh nghiệp có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện của hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của Công ty (mức thưởng do Giám đốc doanh nghiệp quyết định).

Quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (nếu có):

Quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước dùng để chi cho các hoạt động phục vụ việc cổ phần hóa doanh nghiệp.

29. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG:

Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

Là giá trị các khoản phải trả đã nhận được hóa đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP):

	31/12/2017 (VNĐ)			01/01/2017 (VNĐ)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Cộng:	4.782.751.110	4.782.751.110	-	5.200.017.267	5.200.017.267	-

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Không
- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ: Không.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

	31/12/2017 (VNĐ)			01/01/2017 (VNĐ)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu (chỉ tiết từng loại cổ phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị cổ phiếu trở lên)	-	-	-	-	-	-
- Tổng giá trị trái phiếu (chỉ tiết từng loại trái phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị trái phiếu trở lên)	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu: về số lượng; về giá trị)	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn	4.782.751.110	4.782.751.110	-	5.200.017.267	5.200.017.267	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (lớn hơn 3 tháng)	4.782.751.110	4.782.751.110	-	5.200.017.267	5.200.017.267	-
- Trái phiếu	4.782.751.110	4.782.751.110	-	5.200.017.267	5.200.017.267	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
b2) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền	-	-	-	-
- Hàng tồn kho	-	-	-	-
- TSCĐ	-	-	-	-
- Tài sản khác	-	-	-	-
Cộng:	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. PHẢI THU KHÁC:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn	380.676.533	-	319.867.317	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động (tạm ứng)	-	-	4.975.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	380.676.533	-	314.892.317	-
+ Phải thu phần vốn góp có định Hội đồng	179.270.560	-	179.270.560	-
Xổ số Kiến thiết miền Bắc				
+ Công an tỉnh Lạng Sơn và CA 2 huyện	80.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	121.405.973	-	135.621.757	-
b. Phải thu dài hạn	17.125.000	-	4.975.000	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	17.125.000	-	4.975.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng:	397.801.533	-	322.342.317	-

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. HÀNG TỒN KHO:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường		-		-
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	161.320.890	-	134.843.280	-
- Công cụ, dụng cụ	8.727.168	-	14.890.800	-
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	16.781.818	-	18.181.818	-
- Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-	-	-
	186.829.876	-	167.915.898	-

Cộng giá gốc hàng tồn kho:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(*): Vé xố số

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

6. NỢ XẤU:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Đối tượng		Đối tượng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó khả năng thu hồi	-	-	-	-
- Thông tin về các khoản phạt, phải thu về lãi trả chậm.... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận là doanh thu	-	-	-	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
Cộng:	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

9. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH:

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng:
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư ngày 01/01/2017	16.577.967.478	1.190.376.362	1.820.131.119	169.429.540	19.757.904.499
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	16.577.967.478	1.190.376.362	1.820.131.119	169.429.540	19.757.904.499
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2017	1.103.680.224	338.536.322	1.053.410.221	88.399.000	2.584.025.767
Tăng trong năm	333.872.112	123.102.444	127.786.824	10.956.000	595.717.380
Khấu hao trong năm	333.872.112	123.102.444	127.786.824	10.956.000	595.717.380
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	1.437.552.336	461.638.766	1.181.197.045	99.355.000	3.179.743.147
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	15.474.287.254	851.840.040	766.720.898	81.030.540	17.173.878.732
Tại ngày 31/12/2017	15.140.415.142	728.737.596	638.934.074	70.074.540	16.578.161.352

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: VNĐ
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN:**

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (chi tiết từng loại, nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường)	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang (chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD CB)	-	-	-	-
Cộng:	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**11. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH:**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng:
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư ngày 01/01/2017	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
Tăng khác					
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	-	-	-	-	-
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2017	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
Tăng khác					
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2017	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-	-

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

- VNĐ
- VNĐ
- VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**10. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH:**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng:
NGUYÊN GIÁ TSCĐ				
- Số dư ngày 01/01/2017	-	-	253.580.000	253.580.000
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2017	-	-	253.580.000	253.580.000
HAO MÒN LŨY KẾ				
- Số dư ngày 01/01/2017	-	-	253.580.000	253.580.000
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2017	-	-	253.580.000	253.580.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Tại ngày 01/01/2017	-	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: - VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: - VNĐ
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác: không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:**

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Ngắn hạn	-	7.600.000
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
- Chi phí đi vay	-	-
- Các khoản khác	-	7.600.000
b. Dài hạn	128.996.141	227.605.748
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Các khoản khác	128.996.141	227.605.748
Cộng:	<u>128.996.141</u>	<u>235.205.748</u>

14. TÀI SẢN KHÁC:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	-	-
b. Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	-	-
Cộng:	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,

thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

12. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê	-	-	-	-
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BDS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	-	-	-	-
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- VND

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác: không.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP):

c. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
- Lý do chưa thanh toán				
Cộng:	-	-	-	-

d. Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan:

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH:

a. Vay:

	31/12/2017 (VNĐ)		Trong năm		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
- Vay dài hạn (chi tiết theo kỳ hạn)	-	-	-	-	-	-
Cộng:	-	-	-	-	-	-

b. Các khoản nợ thuê tài chính:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê
- Kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
- Kỳ hạn trên 5 năm	-	-	-	-
Cộng:	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN:

b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn	-	-
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng:	-	-

c. Phải trả người bán là các bên liên quan:

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản phải trả người bán với các bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN
Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN:

a. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn:

	31/12/2017 (VNĐ)		01/01/2017 (VNĐ)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn	61.962.000	61.962.000	4.560.000	4.560.000
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả	61.962.000	61.962.000	4.560.000	4.560.000
- Phải trả cho các đối tượng khác (nhiều đối tượng)	-	-	-	-
- Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng:	61.962.000	61.962.000	4.560.000	4.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP):**

Quyết toán số thuế phải nộp hoặc nộp thừa Nhà nước của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền, Kiểm toán viên không có thẩm quyền, nhiệm vụ, chức năng trong việc xác định số thuế nộp Nhà nước. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
+ Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
+ Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
+ Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm BĐS đã bán	-	-
+ Các khoản trích trước khác	-	-
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
+ Lãi vay	-	-
+ Các khoản khác	-	-
Cộng:	-	-

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,

thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC:

a. Thuế phải nộp:

	Đầu năm (VNĐ)	Số phải nộp trong năm (VNĐ)	Số đã thực nộp trong năm (VNĐ)	Cuối năm (VNĐ)
- Thuế GTGT	406.636.025	4.358.826.214	4.325.424.547	440.037.692
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	475.815.774	5.682.016.707	5.930.535.290	227.297.191
- Thuế TNDN	17.389.466	185.337.824	192.328.995	10.398.295
- Thuế TNCN	3.000.000	1.004.000	4.004.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	228.711.168	228.711.168	-
- Thuế, phí lệ phí khác phải nộp	-	-	-	-

Cộng:

902.841.265	10.458.895.913	10.684.004.000	677.733.178
-------------	----------------	----------------	-------------

b. Thuế phải thu:

	Đầu năm (VNĐ)	Số đã nộp thừa trong năm (VNĐ)	Số đã thu lại trong năm (VNĐ)	Cuối năm (VNĐ)
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	-	-	-
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế, phí lệ phí khác phải nộp	-	-	-	-

Cộng:

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,

thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH:

21.1 Trái phiếu thường:

a. Trái phiếu phát hành:

31/12/2017 (VNĐ)			01/01/2017 (VNĐ)		
Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-

- Loại phát hành theo mệnh giá
- Loại phát hành có chiết khấu
- Loại phát hành có phụ trội

Cộng:

b. Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ:

Trong năm, các bên liên quan của Công ty không nắm giữ trái phiếu phát hành của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Ngắn hạn:	74.507.555	10.502.578
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.507.555	10.502.578
+ Hội đồng Xổ số kiến thiết miền Bắc	74.507.555	10.502.578
+ Phải trả giải đặc biệt ngày 31/12/2017 (5 vé)	-	-
b. Dài hạn:	502.600.000	437.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	502.600.000	437.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng:	577.107.555	447.502.578

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán:

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
a. Ngắn hạn:	-	-
- Doanh thu nhận trước	-	-
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
b. Dài hạn:	-	-
- Doanh thu nhận trước	-	-
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng:	-	-

c. Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng:
Trong năm, Công ty có đủ khả năng thực hiện được hợp đồng với các khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP):

21.2. Trái phiếu chuyển đổi (tiếp):

f. Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ: Các bên liên quan không nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành của Công ty.

22. CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI PHÂN LOẠI LÀ NỢ PHẢI TRẢ:

- Mệnh giá:
- Đối tượng được phát hành (ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, đối tượng khác):
 - + Ban lãnh đạo:
 - + Cán bộ:
 - + Người lao động:
 - + Các đối tượng khác:
- Điều khoản mua lại:
 - + Thời gian:
 - + Giá mua lại:
 - + Các điều khoản cơ bản khác:
- Giá trị đã mua lại trong kỳ;

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Ngắn hạn	1.717.955.200	1.204.795.200
+ Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá	-	-
+ Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-
+ Dự phòng tái cơ cấu	-	-
+ Dự phòng phải trả khác (dự phòng rủi ro trả thưởng)	1.717.955.200	1.204.795.200
- Dài hạn	-	-
+ Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá	-	-
+ Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-
+ Dự phòng tái cơ cấu	-	-
+ Dự phòng phải trả khác	-	-
	1.717.955.200	1.204.795.200

Cộng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP):

21.2. Trái phiếu chuyển đổi:

- a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:
 - + Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
- b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:
 - + Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - + Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
- c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ:
 - + Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
 - + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu;
 - + Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu:
- d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ:
 - + Số lượng từng loại trái phiếu đã đáo hạn được chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
 - + Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả cho nhà đầu tư:
- e. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:
 - + Kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi:
 - + Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi:

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

25.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Dư 01/01/2016	22.499.330.982	199.954.000	-	-	-	-	-	22.699.284.982
- Tăng trong năm	-	104.250.000	-	-	-	-	725.123.126	829.373.126
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	725.123.126	725.123.126
- Tăng khác	-	104.250.000	-	-	-	-	-	104.250.000
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	725.123.126	725.123.126
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	725.123.126	725.123.126
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Dư 31/12/2016	22.499.330.982	304.204.000	-	-	-	-	-	22.803.534.982
- Dư 01/01/2017	22.499.330.982	304.204.000	-	-	-	-	-	22.803.534.982
- Tăng trong kỳ	-	112.000.000	-	-	-	-	741.351.295	853.351.295
- Tăng vốn trong kỳ	-	112.000.000	-	-	-	-	741.351.295	853.351.295
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	741.351.295	741.351.295
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	741.351.295	741.351.295
- Dư 31/12/2017	22.499.330.982	416.204.000	-	-	-	-	-	22.915.534.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**24. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ:****24.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:**

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

24.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP):****25.4. Cổ phiếu (áp dụng với công ty cổ phần):**

	Năm 2017	Năm 2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phiếu

25.5. Cổ tức:

	31/12/2017 (VNĐ)
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-

25.6. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2017 (VNĐ)
	416.204.000
- Quỹ đầu tư phát triển	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN
 Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
 thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP):

25.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (tiếp):

	Số tiền (VNĐ)
(*):	
- Quỹ đầu tư phát triển	112.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	629.351.295
Cộng:	741.351.295

25.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Vốn góp của Nhà nước	22.499.330.982	22.499.330.982
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng:	22.499.330.982	22.499.330.982

25.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	22.499.330.982	22.499.330.982
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	22.499.330.982	22.499.330.982
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**28. NGUỒN KINH PHÍ:**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**29.1. Tài sản thuê ngoài (tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang):**

	31/12/2017 (VNĐ)	01/01/2017 (VNĐ)
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Từ 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-
Cộng:	-	-

29.2. Tài sản giữ hộ:

Công ty không có tài sản giữ hộ.

29.3. Ngoại tệ các loại:

Công ty không có ngoại tệ các loại.

29.4. Vàng tiền tệ:

Công ty không có vàng tiền tệ.

29.5. Nợ khó đòi đã xử lý:

Công ty không có nợ khó đòi đã xử lý.

29.6. Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

Công ty không có các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP):

25.7. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển:

Dùng để bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty; để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của doanh nghiệp; góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.

25.8. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ:

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu, thu nhập khác.

26. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-

27. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VNĐ	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác (nêu rõ nguyên nhân)	-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠNĐịa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN:**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Giá vốn của hàng hoá đã bán (*)	31.202.123.221	31.304.129.894
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
+ Hạng mục chi phí trích trước	-	-
+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục	-	-
+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	785.134.317	838.218.246
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	-	-
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	-
Cộng:	31.987.257.538	32.142.348.140

(*) : Chi phí kinh doanh xổ số (là chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số).

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	369.473.253	296.772.980
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng:	369.473.253	296.772.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:****a. Doanh thu:**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Doanh thu bán hàng (*)	37.880.111.465	37.794.822.915
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.065.015.608	1.179.197.056
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính	-	-
Cộng:	38.945.127.073	38.974.019.971

(*): Doanh thu kinh doanh xổ số trừ đi thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng.

b. Doanh thu đối với các bên liên quan:

Trong năm, Công ty không có doanh thu đối với các bên liên quan.

c. Ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước:

Trong năm, Công ty không có doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước.

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng:		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
a. Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.422.750.487	6.227.125.904
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN	4.589.040.268	4.580.499.340
+ Chi phí nhân viên quản lý	4.589.040.268	4.580.499.340
- Các khoản chi phí QLDN khác	1.833.710.219	1.646.626.564
b. Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	-
+ Chi phí nhân viên	-	-
+ Chi phí bán hàng	-	-
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Các khoản chi phí bán hàng khác	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
+ Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	-	-
+ Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng:	6.422.750.487	6.227.125.904

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ (*): (*): Việc thuyết minh mục này mang tính quản trị doanh nghiệp.

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.938.017	501.585.634
- Chi phí nhân công	4.294.441.000	4.073.834.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	595.717.380	261.489.192
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.969.871	514.660.538
- Chi phí trả thưởng	24.292.249.552	24.351.227.874
- Chi phí khác bằng tiền	8.389.692.205	8.665.416.806
Cộng:	38.410.008.025	38.368.214.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH:**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Lãi tiền vay	-	-
- Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
Cộng:	-	-

6. THU NHẬP KHÁC:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-
- Các khoản khác	22.096.818	5.085.000
Cộng:	22.096.818	5.085.000

7. CHI PHÍ KHÁC:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Lỗ do đánh giá lại tài sản	-	-
- Các khoản bị phạt	-	-
- Các khoản khác	-	-
Cộng:	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI :**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phí tiền tệ khác	-	-

2. CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG:

Công ty không có các khoản tiền nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG KỲ:

	Năm 2017 (VNĐ)
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường:	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi:	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả:	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán:	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác:	-

4. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG KỲ:

	Năm 2017 (VNĐ)
- Tiền trả nợ vay theo khế ước thông thường:	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường:	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi:	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả:	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán:	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác:	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 69 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH:**

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	185.337.824	181.280.781
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	185.337.824	181.280.781

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI:

	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

Cộng:

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHAI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	61,56	64,43
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	38,44	35,57
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,56	15,57
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84,43	84,43
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,16	6,42
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,23	2,55
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,56	1,04
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,07	2,33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	1,66	1,86
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	3,41	3,36
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	2,73	2,68
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,23	3,18

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ báo cáo tài chính năm nay. Số dư đầu kỳ báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 sử dụng cho mục đích so sánh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Người lập

Phó Phòng Kế toán Tài vụ Giám đốc



Hoàng Thị Yến



Hoàng Thị Yến




Nguyễn Văn Phú

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC:

Công ty đánh giá không có sự tồn tại các khoản nợ tiềm tàng mà cần thiết phải trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty cũng không tồn tại các khoản cam kết có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính mà cần thiết phải công bố.

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (KHÓA SỔ KẾ TOÁN):

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên tất cả những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán hoặc đến ngày lập Báo cáo tài chính này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh, trình bày hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở mục V.3, V. 15, V.16, V.21, VI.1, Công ty không phát sinh những nghiệp vụ khác với các bên liên quan.

4. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN (THEO LĨNH VỰC KINH DOANH HOẶC KHU VỰC ĐỊA LÝ) THEO QUY ĐỊNH CỦA CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM:

Toàn bộ tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh: các hoạt động trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

5. THÔNG TIN SO SÁNH (NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN TRƯỚC):

Các thông tin năm trước không có sự thay đổi đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

6. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC:

Theo giả định hoạt động liên tục của Công ty, một đơn vị được xem là hoạt động liên tục trong tương lai có thể dự đoán được. Báo cáo tài chính cho mục đích chung được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ khi Ban Giám đốc có ý định hoặc do nguyên nhân khác buộc phải ngừng hoạt động hoặc giải thể đơn vị. Báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt có thể được lập theo khuôn khổ hoặc không theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có quy định về cơ sở hoạt động liên tục (ví dụ, cơ sở hoạt động liên tục có thể không phù hợp với báo cáo tài chính được lập cho mục đích thuế). Khi sử dụng giả định hoạt động liên tục để lập và trình bày báo cáo tài chính là phù hợp, tài sản và nợ phải trả được ghi nhận dựa trên cơ sở là đơn vị có thể thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán được các khoản nợ phải trả của mình trong điều kiện kinh doanh bình thường.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 70 đến trang 73 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

6. Chúng tôi khẳng định là đã cung cấp toàn bộ các thông tin về các bên có liên quan (nếu có) cho kiểm toán viên.
7. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính.
8. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm, dịch vụ đang được sản xuất, cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho, ứ đọng hoặc lạc hậu; và không có bất kỳ một khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
9. Chúng tôi đã tuân thủ tất cả các điều khoản quan trọng của các hợp đồng có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Không có bất kỳ hành vi không tuân thủ nào liên quan đến các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính.
10. Các yếu tố sau đây đã được ghi nhận một cách đúng đắn và trong trường hợp cần thiết các thông tin thích hợp đã được nêu ra trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính:
 - a) Số dư và nghiệp vụ được thực hiện với các bên có liên quan;
 - b) Thua lỗ từ các hợp đồng mua và bán;
 - c) Thỏa thuận và khả năng mua lại các tài sản đã được chuyển nhượng trước đây;
 - d) Các tài sản được đem đi thế chấp, cầm cố.
11. Chúng tôi đã xác định những hàng tồn kho hư hỏng hoặc không sử dụng. Không có lượng tồn kho nào được ghi chép vượt quá hoặc thấp hơn lượng tồn kho thực tế.
12. Chúng tôi là chủ sở hữu tất cả các tài sản trên Báo cáo tài chính và không có bất kỳ một tài sản nào đang được cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ, ngoại trừ những tài sản được nêu trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính.
13. Tất cả các khoản nợ, cam kết vay và các khoản bảo lãnh của chúng tôi với bên thứ ba đã được đơn vị kế toán hạch toán hoặc giải trình trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính.
14. Hiện tại, chúng tôi không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.
15. Chúng tôi cam kết rằng đơn vị kế toán vẫn được duy trì hoạt động bình thường, không có ý định hoặc có các nguy cơ nào dừng hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hoặc cần được công bố trong Báo cáo tài chính.
16. Chúng tôi đã hạch toán hoặc đã thuyết minh đầy đủ trong Báo cáo tài chính tất cả các kế hoạch về việc mua lại các cổ phiếu của chính chúng tôi (nếu có), các nguồn vốn được dự trữ cho kế hoạch này, các khoản đảm bảo cũng như việc chuyển đổi và các yêu cầu có liên quan khác.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SON

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 70 đến trang 73 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2018

THƯ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP QUỐC GIA VIỆT NAM -KTQGVN
Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL
Trụ sở: số 112, ngõ 553 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Theo yêu cầu của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 580 - Giải trình bằng văn bản ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Chúng tôi xin gửi tới Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam. Thư giải trình này của Ban Giám đốc chúng tôi liên quan đến cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính như đã nêu trên nhằm đưa ra những ý kiến về tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính dựa trên những quy định, những chuẩn mực do Bộ Tài chính Việt Nam qui định.

Chúng tôi xác nhận rằng với sự hiểu biết và sự tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những giải trình sau đây:

1. Chúng tôi khẳng định rằng Báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành (hoặc được chấp thuận bằng một văn bản chỉ đạo riêng hay cho phép của Bộ Tài chính hay của một cơ quan chức năng Nhà nước khác có thẩm quyền).
2. Không có sự bất hợp lý nào phát sinh từ phía bộ phận quản lý cũng như nhân viên có trách nhiệm trong hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán, dẫn tới những ảnh hưởng sai lệch trọng yếu đến Báo cáo tài chính hoặc không được trình bày rõ ràng, minh bạch trong Báo cáo tài chính. Không có sự "mâu thuẫn" về lợi ích giữa người phụ trách đơn vị kế toán và nhân viên trong quá trình hoạt động kinh doanh của đơn vị kế toán.
3. Chúng tôi cam kết rằng chúng tôi đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả mọi hành vi gian lận, tham nhũng đối với việc quản lý tài sản của đơn vị kế toán.
4. Chúng tôi đã chuyển cho kiểm toán viên xem xét tất cả sổ kế toán, các tài liệu, chứng từ liên quan, kể từ đầu năm tài chính cho tới ngày lập Báo cáo tài chính; Chúng tôi không có bất cứ điều gì giấu giếm hoặc không cung cấp cho kiểm toán viên làm ảnh hưởng đến việc lập Báo cáo tài chính và việc đưa ra ý kiến kiểm toán trên Báo cáo kiểm toán độc lập.
5. Chúng tôi cam kết rằng tất cả các tài sản, các khoản công nợ đều được phản ánh đầy đủ và đúng thực tế vào sổ kế toán cũng như báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự sai lệch nào giữa sổ kế toán và thực tế của đơn vị kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 70 đến trang 73 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

29. Trong trường hợp sử dụng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán có mâu thuẫn phát sinh hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba, chúng tôi đều phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản đến Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam trước khi ra quyết định.
30. Chúng tôi hiểu rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này được sử dụng trong những trường hợp cần thiết, mọi ý kiến hình thành từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán có ảnh hưởng đến kiểm toán viên phải có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.

Chúng tôi xin chuyển Bản giải trình này của Ban Giám đốc đơn vị kế toán đến Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 580 - Giải trình bằng văn bản ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trân trọng.

Phó Phòng Kế toán Tài vụ
(Ký tên)



Hoàng Thị Yên

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Phú

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 20, đường 17/10, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THƯ GIẢI TRÌNH

(Thư giải trình từ trang 70 đến trang 73 là tài liệu cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THƯ GIẢI TRÌNH (TIẾP)

17. Chúng tôi đã thể hiện đầy đủ các tài sản trên sổ kế toán cung cấp cho Kiểm toán viên. Các khoản phải thu thể hiện trên giấy báo nợ đối với khách nợ và không bao gồm các khoản mục hàng hóa đã giao và dịch vụ cung cấp sau ngày lập Bảng cân đối kế toán.
18. Chúng tôi ghi chép và trình bày tất cả khoản công nợ trong Báo cáo tài chính để làm cơ sở thanh toán cho các bên thứ ba. Tất cả những chi tiêu đều có hóa đơn chứng từ gốc, được lập các chứng từ ghi sổ phản ánh đầy đủ cùng với hoạt động kinh doanh của đơn vị kế toán.
19. Báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu. Không có những nghiệp vụ nào liên quan đến tài sản hay công nợ trọng yếu phát sinh mà không được ghi chép sổ kế toán đầy đủ. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán hoặc ghi sổ kế toán đúng kỳ kế toán.
20. Ngoài những khoản mục đã được diễn giải trong thuyết minh Báo cáo tài chính, không có nghiệp vụ phát sinh nào diễn ra sau ngày lập Bảng cân đối tài sản mà cần phải điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.
21. Đơn vị đã phân loại đúng trên Báo cáo tài chính về các khoản tài sản cố định, đầu tư và các tài sản khác. Ban Giám đốc cũng đã đánh giá những khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính.
22. Đơn vị đã sử dụng hệ thống sổ kế toán được Bộ Tài chính quy định. Chúng tôi tuân thủ các điều khoản quy định của Bộ Tài chính khi lập Báo cáo tài chính.
23. Chúng tôi có trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ, nhằm mục đích đảm bảo an toàn đối với tài sản cố định, tránh sự mất mát do việc sử dụng không đúng mục đích.
24. Không có yếu kém trầm trọng trong hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ. Chúng tôi cho rằng chi phí hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cho sản xuất, kinh doanh của đơn vị kế toán.
25. Chúng tôi cam kết rằng mọi số liệu, lời văn trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán nêu trên đã được chúng tôi kiểm tra cẩn thận và không có bất cứ sai sót nào mà chúng tôi thấy cần phải chỉnh sửa trước khi chuyển cho Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam ký và đóng dấu chính thức.
26. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng kiểm toán và các văn bản khác (nếu có) đã ký kết với Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam.
27. Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý, rủi ro, thiệt hại vật chất phát sinh trong mọi trường hợp do hành vi của chúng tôi gây nên, chúng tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hành vi này.
28. Chúng tôi cam kết rằng không có bất cứ hành vi nào làm ảnh hưởng đến uy tín của kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Quốc gia Việt Nam và của Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế - EURA AUDIT INTERNATIONAL.